BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2015-2016

Môn học : Pháp luật kinh tế - 1104003
Mã lớp học phần: 110400301 **Số tín chỉ: 2**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Phước
Ngày thi: 20/01/2016 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.12**

Giám thị 1: M. Trung Ký tên:
Giám thị 2: Lê Vân Ký tên:
Giám thị 3: M. Châu Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310100123	Hà Trần Khánh	Như	19/10/1995			2,0	Hai chấm	C15QT1	
2	1110090241	Phạm Thị Huỳnh	Như	17/11/1993			8,0	Tám chấm	C13QT3	
3	1310130076	Trần Thị Huỳnh	Như	05/09/1995			2,0	Hai chấm	C15TA2	
4	1210140215	Nguyễn Ngọc Hoàng	Oanh	15/08/1994					C14TC2	Nợ HP
5	1310100145	Nguyễn Văn	Phi	08/07/1995			5,0	Năm chấm	C15QT2	
6	1410130019	Lê Văn	Phương	15/12/1996			5,0	Năm chấm	C16TA	
7	1310100037	Trần Nguyễn Minh	Phương	22/5/1995			6,0	Sáu chấm	C15QT1	
8	1410130041	Ngô Thị Huệ	Phước	27/10/1993					C16TA	Nợ HP
9	1410130013	Lương Ngọc	Quyên	12/11/1996			6,0	Sáu chấm	C16TA	
10	1310100017	Trương Văn	Quý	26/07/1995			6,0	Sáu chấm	C15QT1	
11	1310120029	Nguyễn Ngọc	Sơn	06/11/1994			6,0	Sáu chấm	C15TC	
12	1410130016	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	08/11/1996			7,0	Bảy chấm	C16TA	
13	1310130028	Phạm Thị Thanh	Tâm	08/09/1994			5,0	Năm chấm	C15TA1	
14	1410130014	Nguyễn Thị Phương	Thanh	04/06/1996			3,0	Ba chấm	C16TA	
15	1310130063	Trần Tuấn	Thanh	20/06/1994			3,0	Ba chấm	C15TA2	
16	1410130005	Nguyễn Huỳnh Như	Thảo	21/05/1996			4,0	Bốn chấm	C16TA	
17	1310110021	Võ Ngọc Thu	Thảo	12/05/1995			4,5	Bốn rưỡi	C15KT	
18	1310120040	Lê Xuân	Thắng	11/04/1995			8,0	Tám chấm	C15TC	
19	1410130031	Trần Huỳnh	Thi	25/05/1994			8,0	Tám chấm	C16TA	
20	1410130028	Châu Nhụy	Thịnh	13/09/1995			7,0	Bảy chấm	C16TA	
21	1410130026	Mai Thị	Thơ	10/01/1996			7,0	Bảy chấm	C16TA	
22	1310110065	Nguyễn Huỳnh Thanh	Thùy	25/01/1995			2,0	Hai chấm	C15KT	
23	1310120034	Nguyễn Đoàn Anh	Thư	08/07/1995			7,0	Bảy chấm	C15TC	
24	1310130051	Nguyễn Phan Hoài	Thương	10/09/1995			5,0	Năm chấm	C15TA2	
25	1410130023	Huỳnh Hồng Thủy	Tiên	11/04/1996			4,0	Bốn chấm	C16TA	
26	1410130030	Phan Thị Cẩm	Tiên	19/9/1996			4,5	Bốn rưỡi	C16TA	19/4/16
27	1310130069	Văn Bảo	Tiên	30/10/1995			4,0	Bốn chấm	C15TA2	
28	1310100100	Trần Minh	Tiến	28/07/1994	Tiến		3,0	Ba chấm	C15QT1	19/4/16
29	1310130085	Trần Minh	Toàn	04/8/1994					C15TA2	Nợ HP
30	1310130002	Đặng Hoàng Thanh	Trang	21/10/1995			1,0	Một chấm	C15TA2	
31	1310130022	Lê Thị Thùy	Trang	09/10/1995			2,0	Hai chấm	C15TA1	
32	1410130001	Nguyễn Phúc Đoan	Trang	14/11/1996			3,0	Ba chấm	C16TA	

		Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
		...o Trần Thùy	Trang	26/11/1994			5,0	Năm chấm	C14TC3	
		...012 Vũ Thị Thiên	Trang	10/06/1995			4,0	Bốn chấm	C15QT2	
		...0100084 Huỳnh Thị Mỹ	Tranh	18/08/1994			4,0	Bốn chấm	C15QT1	
	1310110006	Nguyễn Thị Anh	Trà	28/05/1995			5,0	Năm chấm	C15KT	
37	1310100196	Lê Thị Thanh	Trâm	02/09/1995			2,0	Hai chấm	C15QT2	
38	1310090011	Tào Thị Ngọc	Trâm	18/05/1995			6,0	Sáu chấm	C15CN	
39	1210140328	Phan Nguyễn Khánh	Trân	25/08/1994					C14TC3	Nợ HP
40	1410130040	Nguyễn Diễm	Trúc	15/08/1996			8,0	Tám chấm	C16TA	
41	1210010085	Bùi Văn	Tuấn	10/03/1994					C14TH	Nợ HP
42	1410130015	Dương Thị Thanh	Tuyền	12/01/1995			8,0	Tám chấm	C16TA	
43	1210130308	Huỳnh Thanh	Tùng	20/04/1994			4,0	Bốn chấm	C14KT3	
44	1310110067	Bùi Thị Cẩm	Tú	20/12/1995			8,0	Tám chấm	C15KT	
45	1410130020	Phạm Huỳnh Ngân	Tú	17/10/1996			7,0	Bảy chấm	C16TA	
46	1410130002	Võ Thị Cẩm	Tú	21/04/1996			8,0	Tám chấm	C16TA	
47	1410130011	Nguyễn Hồng Bích	Vân	13/02/1995			7,0	Bảy chấm	C16TA	
48	1310130093	Phạm Thị Thu	Vân	08/03/1995			3,0	Ba chấm	C15TA1	
49	1310130024	Lê Quân Đắc	Vinh	22/10/1995			5,0	Năm chấm	C15TA2	
50	1410130043	Nguyễn Thị Tường	Vy	29/07/1996			6,0	Sáu chấm	C16TA	
51	1410130042	Nguyễn Bình	Yên	07/02/1996			7,0	Bảy chấm	C16TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 46 **vắng thi:** 05 **. Số bài thi/Số tờ:** 46 / 46 .

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

Ngày 29 *tháng* 1 *năm* 2016
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 29 *tháng* 01 *năm* 2016
GIÁO VIÊN CHẤM THI

CÁC KCX & CN TP.HCM
CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2015-2016

Môn học : Pháp luật kinh tế - 1104003
Mã lớp học phần: 110400301 **Số tín chỉ: 2**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Phước
Ngày thi: 20/01/2016 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: A1.11**

Giám thị 1: Nữ Dương Ký tên:
Giám thị 2: Văn Phương Ký tên:
Giám thị 3: Minh Trí Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310130105	Nguyễn Đông Thy	An	30/10/1995					C15TA2	Nợ HP
2	1310110058	Lê Trần Trâm	Anh	22/02/1995			3,0	Ba	C15KT	
3	1310110001	Nguyễn Hoàng Hùng	Anh	14/06/1995			3,0	Ba	C15KT	
4	1310110090	Nguyễn Thị Bảo	Anh	07/11/1994			4,0	Bốn	C15KT	
5	1310110005	Nguyễn Thị Trang	Anh	08/08/1995			3,0	Ba	C15KT	
6	1210130011	Nguyễn Thị Trúc	Anh	24/08/1994			7,0	Bảy	C14KT1	
7	1310100246	Nguyễn Thị Phương Ngọc	Ánh	16/01/1995			4,0	Bốn	C15QT2	
8	1410130037	Phạm Thị Diễm	Ánh	13/06/1996			6,0	Sáu	C16TA	
9	1210110008	Nguyễn Thị	Cẩm	20/04/1993					C14TA1	Nợ HP
10	1410130003	Huỳnh Thị Kim	Chi	02/08/1996			2,0	Hai	C16TA	
11	1310130013	Nguyễn Hoàng	Chương	15/06/1994			7,0	Bảy	C16TA	
12	1310100088	Phạm Tiên	Cung	17/01/1994			7,0	Bảy	C15QT2	R Nợ HP
13	1310130099	Trần Ngọc	Diễm	30/12/1995			8,0	Tám	C16TA	
14	1310100025	Hà Thị	Dung	19/05/1994			6,0	Sáu	C15QT1	
15	1210090070	Trần Thị Kim	Dung	01/12/1994					C14QT1	Nợ HP
16	1310130050	Huỳnh Thị Thùy	Dương	29/09/1995			3,0	Ba	C15TA1	
17	1410130027	Đoàn Thị	Đào	15/05/1996			5,0	Năm	C16TA	
18	1410130022	Vũ Thị Hồng	Đào	01/02/1996			5,0	Năm	C16TA	
19	1410130034	Phan Thị Quỳnh	Giao	07/9/1996			6,0	Sáu	C16TA	
20	1310120018	Lê Ngọc	Hà	09/11/1995			7,0	Bảy	C15TC	
21	1210090115	Ngô Thị Thu	Hiền	28/01/1994			8,0	Tám	C14QT1	R Nợ HP
22	1310120012	Trần Ngọc	Hiền	18/08/1994			7,0	Bảy	C15TC	R Nợ HP
23	1310100101	Dương Trung	Hiếu	29/03/1995			6,0	Sáu	C15QT2	
24	1310130047	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	12/09/1995			10,0	Mười	C15TA2	
25	1310010005	Từ Minh	Hiếu	20/09/1995			7,0	Bảy	C15TH	
26	1310130103	Nguyễn Phụng Anh	Hoàng	16/10/1995			6,0	Sáu	C15TA1	
27	1410130052	Nguyễn Tuấn	Hoàng	27/12/1994					C16TA	
28	1410130018	Nguyễn Thị Hồng	Hòa	08/01/1996			7,0	Bảy	C16TA	
29	1310110104	Trịnh Thị Cẩm	Hồng	12/02/1994			4,0	Bốn	C15KT	
30	1210140099	Đinh Thúy	Huyền	25/08/1994			4,0	Bốn	C14TC1	R Nợ HP
31	1310100082	Phan Thị Thanh	Huyền	13/05/1994			6,0	Sáu	C15QT1	

		Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
		Trần Thị Ngọc	Huyền	21/12/1994			4,0	Bốn	C15TC	
	0064	Trần Quốc	Khải	17/01/1995			3,0	Ba	C15QT1	Nợ HP
	1210090167	Tăng Minh	Khánh	02/09/1994			7,0	Bảy	C14QT2	
35	1210130088	Huỳnh Đăng	Khoa	09/09/1994			4,0	Bốn	C14KT1	
36	1410130004	Trần Thị Hạnh	Kiều	31/05/1996			7,0	Bảy	C16TA	
37	1410130036	Đoàn Thị	Lành	03/01/1996			5,0	Năm	C16TA	
38	1210140124	Hoàng Thùy	Linh	08/04/1994			5,0	Năm	C14TC1	
39	1310110118	Lê Thị Hoàng	Linh	18/07/1994			3,0	Ba	C15KT	
40	1310110007	Trần Mai Trúc	Linh	18/09/1995			3,0	Ba	C15KT	
41	1210010031	Phạm Thành	Lộc	20/10/1993					C14TH	Nợ HP
42	1310010008	Trần Hữu	Lộc	05/11/1995			5,0	Năm	C15TH	
43	1210090232	Lâm Ngọc	Mai	05/03/1994			7,0	Bảy	C14QT2	Nợ HP
44	1410130047	Lê Hiền	Mai	12/04/1995			3,5	Ba rưỡi	C16TA	
45	1410130049	Bùi Thị Kiều	My	20/02/1996			10,0	Mười	C16TA	
46	1310130096	Nguyễn Thị Thúy	Nga	10/04/1995			3,0	Ba	C15TA1	
47	1410130029	Trần Thị Thanh	Nga	21/06/1994			6,0	Sáu	C16TA	
48	1410130021	Lê Thị	Ngọc	07/08/1995			6,0	Sáu	C16TA	
49	1310130114	Vương Hồng	Ngọc	09/10/1992			4,0	Bốn	C15TA2	
50	1410130010	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	28/11/1996			6,0	Sáu	C16TA	
51	1410130007	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	10/05/1996			6,0	Sáu	C16TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 46 **vắng thi:** 05 **. Số bài thi/Số tờ:** 46 / 46 .

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____ **%**